

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HẢI HƯNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Hải Hưng, ngày tháng 8 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước  
thu hồi đất để thực hiện Dự án Mở rộng khuôn viên  
và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS Đoàn Kết**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI HƯNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật số 43/2024/QH15  
ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đất đai số  
31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số  
29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của  
Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của  
UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến  
năm 2030 huyện Thanh Miện;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của  
Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02  
cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính  
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành  
Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của  
Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc  
trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số  
254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó  
khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025  
của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về  
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố  
Hải Phòng; Quyết định số 17/2026/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2026 của  
UBND thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chi tiết*

*một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 171/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố;*

*Căn cứ Nghị Quyết số 85/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Ban hành Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn thành phố Hải Phòng;*

*Căn cứ Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn của số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH của Quốc hội và áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn thành phố;*

*Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hải Hưng về việc phê duyệt Dự án: Mở rộng khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS Đoàn Kết;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 124/TTr-KT ngày 13 tháng 8 năm 2026.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Mở rộng khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS Đoàn Kết bao gồm:

**1)** Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với Dự án Mở rộng khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS Đoàn Kết quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

**a) Tổng diện tích thu hồi:** 3.212,5m<sup>2</sup>, trong đó:

- Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): 3.002,3m<sup>2</sup>.
- Đất thủy lợi (DTL): 62,3m<sup>2</sup>.
- Đất giao thông (DGT): 147,9m<sup>2</sup>.

**b) Số hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi:** 05 hộ gia đình, cá nhân.

**c) Về phương án, kinh phí bồi thường, hỗ trợ:** 1.995.399.000 đồng. (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn đồng), trong đó:

- Kinh phí bồi thường đất: 300.230.000 đồng.
- Kinh phí hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân (*đất trồng cây hàng năm, tại khu vực 3, địa bàn các xã*): 1.501.150.000 đồng.
- Kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống cho các hộ gia đình, cá nhân: 103.950.000 đồng.
- Kinh phí hỗ trợ ổn định sản xuất cho các hộ gia đình, cá nhân (*đất trồng cây hàng năm, tại khu vực 3, địa bàn các xã*): 90.069.000 đồng.

*(có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)*

**d. Nguồn kinh phí:** Ngân sách xã (từ nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án Mở rộng khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS Đoàn Kết).

**2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các văn bản pháp lý khác có liên quan** (*có phương án chi tiết kèm theo*).

**Điều 2.** Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

**1. Trách nhiệm của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã Hải Hưng:**

- Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt đến từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan.

- Phối hợp với UBND xã Hải Hưng phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Trụ sở UBND xã Hải Hưng và Nhà văn hoá thôn Đại Từ nơi có đất thu hồi.

- Tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt.

**2. Trách nhiệm của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:**

- Phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã thực hiện các nội dung theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt.

- Nhận tiền và bàn giao đất cho UBND xã Hải Hưng, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã để thực hiện Dự án.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế, Văn hoá - Xã hội; Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công, Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực Dự án Mở rộng khuôn

viên và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS Đoàn Kết; các cơ quan, đơn vị liên quan và người có đất thu hồi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Hội đồng BT, TH, TĐC xã;
- Hộ dân có đất thu hồi;
- Lưu: VT, KT.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Văn Hạnh**

**Bảng tổng hợp Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với Dự án Mở rộng khuôn viên và hạ tầng kỹ thuật**  
**Trường THCS Đoàn Kết đối với 05 hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi**  
*(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày        tháng 8 năm 2026 của UBND xã Hải Hưng)*

| STT | Họ và tên        | Địa chỉ thường trú       | Diện tích bị thu hồi |      |                                        | Tỷ lệ % | Khẩu NN | Loại đất thu hồi | Số tháng hỗ trợ | Số kg gạo/khẩu/tháng | Phương án bồi thường hỗ trợ  |                                                        |                                |                                | Tổng tiền (đồng)   |
|-----|------------------|--------------------------|----------------------|------|----------------------------------------|---------|---------|------------------|-----------------|----------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------|
|     |                  |                          | Tờ bản đồ            | Thửa | Diện tích thu hồi thực hiện Dự án (m2) |         |         |                  |                 |                      | Bồi thường hỗ trợ đất (đồng) | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tạo việc làm (đồng) | Hỗ trợ ổn định đời sống (đồng) | Hỗ trợ ổn định sản xuất (đồng) |                    |
| 1   | Nguyễn Đình Phê  | Thôn Đại Từ, xã Hải Hưng | 56                   | 234  | 87,2                                   | 0,91    | 12      | LUC              | 3               | 30                   | 8.720.000                    | 43.600.000                                             | 16.200.000                     | 2.616.000                      | <b>71.136.000</b>  |
| 2   | Nguyễn Văn Hề    | Thôn Đại Từ, xã Hải Hưng | 57                   | 1360 | 139,6                                  | 3,36    | 11      | LUC              | 3               | 30                   | 13.960.000                   | 69.800.000                                             | 14.850.000                     | 4.188.000                      | <b>102.798.000</b> |
| 3   | Nguyễn Đình Thơ  | Thôn Đại Từ, xã Hải Hưng | 56                   | 232  | 1.319,4                                | 74,97   | 5       | LUC              | 12              | 30                   | 131.940.000                  | 659.700.000                                            | 27.000.000                     | 39.582.000                     | <b>858.222.000</b> |
| 4   | Nguyễn Văn Viết  | Thôn Đại Từ, xã Hải Hưng | 56                   | 230  | 1.008,0                                | 88,58   | 7       | LUC              | 12              | 30                   | 100.800.000                  | 504.000.000                                            | 37.800.000                     | 30.240.000                     | <b>672.840.000</b> |
| 5   | Nguyễn Văn Toàn  | Thôn Đại Từ, xã Hải Hưng | 56                   | 229  | 448,1                                  | 48,01   | 3       | LUC              | 6               | 30                   | 44.810.000                   | 224.050.000                                            | 8.100.000                      | 13.443.000                     | <b>290.403.000</b> |
| 6   | UBND xã Hải Hưng | Thôn Đại Từ, xã Hải Hưng | 57                   | 1359 | 38,4                                   |         |         | DTL              |                 |                      | 0                            | 0                                                      | 0                              | 0                              | <b>0</b>           |

| STT              | Họ và tên        | Địa chỉ thường trú       | Diện tích bị thu hồi |      |                                        | Tỷ lệ % | Khẩu NN   | Loại đất thu hồi | Số tháng hỗ trợ | Số kg gạo/ khẩu/ tháng | Phương án bồi thường hỗ trợ  |                                                        |                                |                                | Tổng tiền (đồng)     |
|------------------|------------------|--------------------------|----------------------|------|----------------------------------------|---------|-----------|------------------|-----------------|------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|----------------------|
|                  |                  |                          | Tờ bản đồ            | Thửa | Diện tích thu hồi thực hiện Dự án (m2) |         |           |                  |                 |                        | Bồi thường hỗ trợ đất (đồng) | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tạo việc làm (đồng) | Hỗ trợ ổn định đời sống (đồng) | Hỗ trợ ổn định sản xuất (đồng) |                      |
| 7                | UBND xã Hải Hưng | Thôn Đại Từ, xã Hải Hưng | 57                   | 1358 | 58,3                                   |         |           | DGT              |                 |                        | 0                            | 0                                                      | 0                              | 0                              | <b>0</b>             |
| 8                | UBND xã Hải Hưng | Thôn Đại Từ, xã Hải Hưng | 56                   | 231  | 89,6                                   |         |           | DGT              |                 |                        | 0                            | 0                                                      | 0                              | 0                              | <b>0</b>             |
| 9                | UBND xã Hải Hưng | Thôn Đại Từ, xã Hải Hưng | 56                   | 233  | 23,9                                   |         |           | DTL              |                 |                        | 0                            | 0                                                      | 0                              | 0                              | <b>0</b>             |
| <b>Tổng cộng</b> |                  |                          |                      |      | <b>3.212,5</b>                         |         | <b>38</b> |                  |                 |                        | <b>300.230.000</b>           | <b>1.501.150.000</b>                                   | <b>103.950.000</b>             | <b>90.069.000</b>              | <b>1.995.399.000</b> |

**Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn đồng.**